TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HC TP.ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **31**/2019/HNGĐ-ST
Ngày 10 tháng 10 năm 2019
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HC THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Hà Thị Thanh Nga
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Truyền Bình
  2. Ông Phạm Xoa

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Ngân - Cán bộ Tòa án nhân dân quận HC thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận HC tham gia phiên tòa**:** Bà Trần Nhã Minh Hoàng - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận HC thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 131/2019/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 08 năm 2019, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Th** - sinh năm 1989. Có mặt

Địa chỉ: K58/4 đường H, quận Th, TP Đà Nẵng.

- *Bị đơn:* Ông **Trần Duy V**- sinh năm 1986. Vắng mặt

Địa chỉ: K50/26B đường V, quận HC, TP Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, bản tự khai, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Th trình bày:*

+ Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Trần Duy V kết hôn vào năm 2012, có đăng kí kết hôn tại UBND phường B, quận HC, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại K50/26B đường V, quận HC, TP Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống chúng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung trong mọi vấn đề. Nay tôi xác định cuộc sống chung giữa tôi và anh V không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chúng tôi sống ly thân hơn một năm nay nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh V.

+ Về con chung: Tôi và anh V có 01 con chung tên là Trần Bảo H; sinh ngày 03/2/2012. Ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/1 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi .

+ Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án nhân dân quận HC đã tống đạt theo quy định pháp luật thông báo thụ lý vụ án; thông báo hoà giải; thông báo về phiên họp kiểm

tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; giấy triệu tập cho ông V để lấy lời khai và tham gia hoà giải nhưng ông V đều vắng mặt không có lý do và cũng không gửi ý kiến, nên không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận HC tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi Tòa án thụ lý cho đến trước khi HĐXX vào nghị án là đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Tòa án áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam chấp nhận yêu cầu về việc ly hôn của bà Trần Thị Th đối với ông Trần Duy V, giao con chung Trần Bảo H; sinh ngày 03/2/2012 cho bà Trần Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng, ông Trần Duy V cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/1 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Trong suốt quá trình tố tụng ông Trần Duy V vắng mặt và không có lý do về việc vắng mặt của mình. Tại phiên tòa hôm nay, ông Trần Duy V vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Trần Duy V.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Trần Thị Th và ông Trần Duy V tự nguyện kết hôn vào năm 2012, có đăng kí kết hôn tại UBND phường B, quận HC, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Th đối với ông Trần Duy V, HĐXX thấy:

Theo lời khai của bà Thu thì thấy quá trình chung sống giữa bà Thu và ông V đã xảy ra mâu thuẫn, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn cùng nhau vun đắp, xây dựng cho cuộc sống gia đình và nuôi dạy con cái.Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hai lần mở phiên hòa giải nhằm tạo điều kiện cho bà Thu và ông V có cơ hội đoàn tụ nhưng ông V đều vắng mặt, chứng tỏ ông V cũng không tha thiết hàn gắn lại mối quan hệ hôn nhân với bà Th.

HĐXX xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Th và ông V đã xảy ra trong một thời gian dài. Vì vậy, HĐXX thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Th đối với ông V là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình Việt Nam.

- *Về con chung:* Bà Th xác định bà và ông V có 01 con chung tên là Trần Bảo H; sinh ngày 03/2/2012. Ly hôn, bà Th có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/1 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. HĐXX thấy trong quá trình giải quyết vụ án, ông V không có ý kiến trình bày về vấn đề nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn; nguyện vọng của bà Th phù hợp với nguyện vọng của cháu H thể hiện tại Biên bản lấy lời khai 10/9/2019 và Điều 81, 82 Luật HNGĐ nên HĐXX chấp nhận; giao cháu Trần Bảo H cho bà Th được trực

tiếp nuôi dưỡng, ông V cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/1 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau này, vì quyền lợi của con chung các bên đương sự vẫn có quyền yêu cầu hoặc thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Th xác định giữa bà và ông V không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết; ông V không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không xem xét.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng bà Th phải chịu; Án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng ông Trần Duy Vchịu là 300.000 đồng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.
- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 điều 147, điều 180, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn" của bà Trần Thị Th đối với ông Trần Duy V.

1. *Về quan hệ hôn nhân*:

Xử: cho bà Trần Thị Th được ly hôn đối với ông Trần Duy V.

2. *Về con chung:*

Xử: Giao con chung Trần Bảo Hân; sinh ngày 03/2/2012 cho bà Trần Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trần Duy V cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/1 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà Trần Thị Th có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Trần Duy V không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Sau ly hôn, các bên đương sự vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Sau này, vì quyền lợi của con chung các bên đương sự vẫn có quyền yêu cầu hoặc thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ bà Trần Thị Th phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Thu đã nộp tại biên lai thu số 0007343 ngày 06/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận HC, thành phố Đà Nẵng. Bà Trần Thị Th đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng ông Trần Duy V chịu là 300.000 đồng.

4. Án xử sơ thẩm công khai bà Trần Thị Th có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Duy V vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được niêm yết tại địa phương.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- TANDTP Đà Nẵng
- VKSND HC
-Chi cục THADS HC
-UBND phường B, Đà Nẵng.
(GiÊy CNKH sè 25, QuyÓn sè 01/2012)
-Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hà Thị Thanh Nga